

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH QUY MÔ TÍN DỤNG VI MÔ TỐI ƯU ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO: MỘT NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

Lê Đức Niêm¹, Võ Xuân Hội²

Ngày nhận bài: 08/5/2015; Ngày phản biện thông qua: 10/6/2015; Ngày duyệt đăng: 17/6/2015

TÓM TẮT

Hầu hết các chương trình tín dụng vi mô được thiết kế để giúp người nghèo nâng cao hiệu quả trong các hoạt động tạo thu nhập của họ từ đó giúp họ thoát nghèo. Vì vậy, bài viết này nhằm đề xuất một phương pháp xác định quy mô tín dụng tối ưu đối với hộ nghèo như một biện pháp nâng cao hiệu quả của các khoản tín dụng vi mô ở nông thôn Việt Nam với huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk làm ví dụ điển hình.

Từ khóa: Tín dụng vi mô, đối nghèo

1. MỞ ĐẦU

Việt Nam đã gặt hái được những thành tựu đáng khích lệ trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, được cộng đồng thế giới công nhận là một điển hình tiêu biểu trong nỗ lực chung của cộng đồng thế giới (UNDP, 2013). Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ dân cư vẫn đang sống dưới chuẩn đối nghèo. Thực tế cho thấy, sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra mạnh, gây ra những bất công trong xã hội, giảm hiệu quả của nỗ lực nâng cao mức sống của người dân của Chính phủ. Vì vậy, các chương trình xoá đói giảm nghèo của Trung ương và địa phương đang là trọng tâm hàng đầu của chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

Một trong những vấn đề liên quan đến công tác xoá đói giảm nghèo là vốn. Tác động của tín dụng đến kết quả xoá đói giảm nghèo nói chung đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu. Nader (2008) và Pitt và Khandker (2005) đã khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động cấp tín dụng với những điều kiện ưu đãi cho người nghèo nhằm giúp họ thoát nghèo. Phạm Thị Minh Lý và cộng sự (2009) đã nghiên cứu vai trò của tín dụng đối với nỗ lực thoát nghèo của các hộ nghèo ở Thừa Thiên Huế và chỉ ra rằng tín dụng ưu đãi đóng một vai trò rất quan trọng.

Ở một khía cạnh khác, nhiều nhà chuyên môn đều nhất trí cho rằng phát triển nền tài chính quy mô nhỏ đã trợ giúp đắc lực cho hoạt động xoá đói, giảm nghèo đạt hiệu quả đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Ở nhiều nước trên thế giới, các mô hình tài chính vi mô được coi như một công cụ hữu hiệu trong công cuộc xoá đói giảm nghèo. Tổng số khoản vay, cũng như lượng vốn vay tuy không lớn như của các ngân hàng thương mại, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng bởi những khoản vay này đến được với những người nghèo và nghèo nhất, giúp cuộc sống của họ thay đổi (Cons and Paprock,

2008). Vai trò của khoản vay nhỏ đã được ghi nhận từ nhiều phía, đặc biệt là chính quyền địa phương nơi có chương trình tài chính vi mô. Tuy nhiên, việc xác định quy mô tín dụng vi mô tối ưu vẫn chưa được nghiên cứu cụ thể. Bài viết này nhằm đưa ra phương pháp xác định quy mô tín dụng vi mô tối ưu cho người nghèo ở nông thôn. Ví dụ minh họa lấy một địa bàn nghiên cứu cụ thể là hai xã nghèo là Ea Sol và Ea Hiao thuộc huyện Ea H'leo tỉnh Đắk Lắk.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và chọn điểm nghiên cứu

Số liệu sử dụng cho mô hình đề xuất: Chúng tôi tiến hành chọn các xã theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là hai xã Ea Sol và Ea Hiao. Do đặc thù của phương pháp nghiên cứu, chúng tôi chọn 430 hộ cả nghèo và không nghèo tại hai xã Ea Sol và Ea Hiao với phiếu điều tra được thiết kế sẵn theo yêu cầu, mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Các hộ được chọn ngẫu nhiên dựa trên danh sách hộ của Ủy ban nhân dân hai xã trên. Do các thông tin từ các hộ này sẽ được nhập liệu và phân tích bao số liệu (DEA) nên quy mô mẫu điều tra phải lớn để sau khi loại bỏ các hộ không nghèo, quy mô mẫu vẫn còn đủ lớn để chạy hồi quy.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Mô hình xác định quy mô tín dụng tối ưu

a) *Hiệu quả kỹ thuật* (technical efficiency) là một thuật ngữ sử dụng trong kinh tế học, nó là một bộ phận cấu thành *hiệu quả kinh tế* (economic efficiency). Cụ thể hơn, hiệu quả kinh tế bao gồm *hiệu quả kỹ thuật* và *hiệu quả phân bổ*. Hiệu quả kỹ thuật đề cập đến khả năng của các đơn vị sản xuất tối đa hóa đầu ra của nó với một mức-tơ cho đầu vào cho trước hoặc tối thiểu các yếu tố đầu vào để có một mức-tơ cho đầu ra cho trước.

¹ Tiến sĩ, Khoa Kinh tế, trường Đại học Tây Nguyên
² Thạc sĩ, Khoa Kinh tế, trường Đại học Tây Nguyên
 Tác giả liên hệ: Lê Đức Niêm, ĐT: 0905200804, Email: leniem@gmail.com

Như vậy trong mô hình hồi quy, hiệu quả kỹ thuật có thể được sử dụng như một biến phụ thuộc đại diện cho hiệu quả sản xuất của hộ. Để đo lường hiệu quả kỹ thuật của các hộ nghèo chúng tôi sử dụng phương pháp bao số liệu (DEA).

b) Đo lường hiệu quả kỹ thuật

$$\max y$$

Ràng buộc:

$$\sum_{k=1}^K y^k \lambda^k \geq y; \sum_{k=1}^K x_1^k \lambda^k \geq x_1; \sum_{k=1}^K x_n^k \lambda^k \geq x_n$$

$$\lambda^k \geq 0 \quad k=1,2,\dots,K$$

Trong đó y là mức đầu ra tối ưu, y^k đầu ra của hộ thứ k , x_1^k là yếu tố đầu vào thứ 1 được sử dụng tại hộ k , x_n^k là yếu tố đầu vào thứ n của hộ gia đình được kiểm định và λ^k là trọng số được gán vào hộ gia đình thứ k để tạo một tổ hợp lồi về yếu tố đầu vào. Hiệu quả kỹ thuật của hộ được kiểm định chính tỷ số giữa mức đầu ra của hộ được kiểm tra và mức đầu ra tối ưu ($\frac{y^k}{y}$).

2.2.2. Ước lượng quy mô tín dụng vi mô tối ưu

Giả sử tín dụng vi mô có ý nghĩa với hộ nghèo. Nếu vốn vay quá ít, hiệu quả của vốn vay này sẽ thấp vì phần vốn vay này không đủ để hộ nghèo mua yếu

tố đầu vào cho sản xuất. Tuy nhiên, nếu quy mô vốn vay tăng đến một mức nhất định nào đó, hộ nghèo sẽ vượt quá khả năng quản lý lượng vốn này. Như vậy, sẽ tồn tại một mức vốn vay nào đó có thể xem là mức tối ưu để hiệu quả của hộ đạt giá trị cực đại.

Nếu chúng ta có ước lượng hiệu quả sản xuất của từng hộ và lượng vốn vay của hộ trong năm ta có thể tìm ra được một đường cong tối ưu cho mỗi quan hệ này. Vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi ước lượng đường cong mối quan hệ giữa vốn và hiệu quả sau đó dùng mô hình hồi quy để xác định quy mô vốn tín dụng tối ưu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả ứng dụng mô hình phân tích số liệu tại 2 xã Ea Sol và Ea Hiao, huyện Ea H'leo tỉnh Đắk Lắk

Trong nghiên cứu này chúng tôi lấy biến đầu vào của mô hình DEA là *diện tích cà phê (ha), diện tích cây khác (ha), số lao động thuê, số lao động tự có và chi phí phân bón (triệu đồng)*. Đầu ra của mô hình DEA là *giá trị sản xuất từ trồng trọt (triệu đồng)*.

Sau khi chạy DEA thu được kết quả chúng tôi loại bỏ các hộ không thuộc danh sách hộ nghèo, sau đó tổng hợp kết quả như sau:

Bảng 1. Hiệu quả kỹ thuật của các hộ nghèo

	Số quan sát	Hiệu quả thấp nhất	Hiệu quả cao nhất	Hiệu quả trung bình	STD	Phương sai
Hiệu quả	216	0,05	0,91	0,40	0,142	0,020

Chú thích () Điểm thang từ 0 đến 1; Nguồn: Kết quả chạy DEA*

Ta thấy hiệu quả kỹ thuật bình quân của hộ nghèo còn rất thấp (điểm 0,4) hay nói một cách khác các hộ nghèo ở địa bàn nghiên cứu còn có rất nhiều tiềm năng nâng cao hiệu quả của mình. Từ phân tích ở bảng trên chúng ta thấy rằng việc sử dụng các yếu tố đầu vào của các hộ nghèo chưa đạt hiệu quả. Nói một cách khác, các nhà lập chính sách cần tập trung vào công tác khuyến nông, tập huấn khoa học kỹ thuật và kiến thức kinh tế cho người nghèo. Như vậy, nguyên nhân chính dẫn

đến nghèo đói trên địa bàn không phải do thiếu đất, thiếu phân bón, thiếu giống, mà do thiếu kiến thức để sử dụng có hiệu quả các yếu tố này.

Việc xác định quy mô vốn vay tối ưu đối với các hộ nghèo được ước lượng dựa trên một số giả định sau: i) *Hiệu quả kỹ thuật liên quan chặt chẽ đến hiệu quả kinh tế nên chúng ta có thể dùng hiệu quả kỹ thuật làm chỉ số phản ánh hiệu quả kinh tế;* ii) *Vốn là yếu tố quan trọng chi phối hiệu quả kinh tế.*

Bảng 2. Quan hệ giữa vốn và hiệu quả của các hộ nghèo

Equation	Model Summary					Parameter Estimates			
	R ²	F	df1	df2	Sig.	Constant	b1	b2	b3
Tuyến tính	.069	15.761	1	214	.000	.492	-.008		
Logarithmic	.010	2.246	1	214	.135	.467	-.028		
Inverse	.004	.756	1	214	.385	.410	-.085		
Quadratic	.263	37.951	2	213	.000	.195	.051	-.002	
Cubic	.263	25.194	3	212	.000	.186	.054	-.003	.00001
Power	.018	3.887	1	214	.050	.485	-.117		
Exponential	.087	20.324	1	214	.000	.510	-.028		

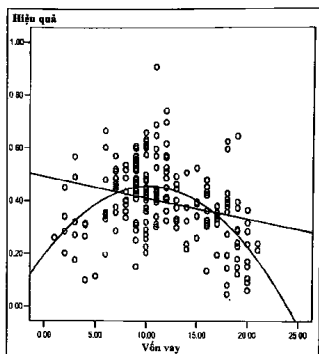
Chú thích () Biến phụ thuộc: Hiệu quả; Biến độc lập: Vốn vay lũy kế; Nguồn: Số liệu điều tra*

Việc lựa chọn đường cong mối quan hệ giữa vốn và hiệu quả căn cứ vào hệ số xác định R^2 và R^2 hiệu chỉnh. Bảng 2 cho thấy mối quan hệ bậc hai là mối quan hệ tốt nhất trong tất cả mối quan hệ giả định. Bởi vì mỗi quan hệ bậc hai và bậc ba đều giải thích được 26,3% hiệu quả của các hộ nghèo nhưng giá trị R^2 hiệu chỉnh của hàm bậc hai cao hơn. Như vậy, mô hình hồi quy được lựa chọn là mô hình bậc hai.

Căn cứ vào kết quả lựa chọn đường cong mối quan hệ chúng tôi xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính theo tham số như sau:

$$HQ = \alpha_0 + \alpha_1 V + \alpha_2 V^2 \quad (1)$$

Trong đó HQ : là biến được giải thích (hiệu quả), V (đơn vị tính: triệu đồng) là quy mô vốn vay lũy kế trong một năm không xem xét đến kỳ hạn của khoản tiền vay. Kết quả chạy hồi quy được trình bày ở bảng 3.



Hình 1. Ước lượng đường cong mối quan hệ giữa vốn vay và hiệu quả kỹ thuật

Nguồn: Số liệu điều tra

Bảng 3. Kết quả hồi quy

Mô hình B	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa		t	Sig.
	Sai số chuẩn	Beta				
1 (Hằng số)	.195	.045			4.295	.000
V1	.051	.008	1.665	6.308		.000
V2	-.002	.000	-1.976	-7.489		.000

Ghi chú: Biến phụ thuộc: Hiệu quả (HQ); Nguồn: Kết quả chạy DEA

Kết quả cho hệ số xác định bình phương là 26,3% với giá trị $F=38$ nên chúng ta chấp nhận mô hình với mức ý nghĩa là 99%. Từ kết quả của mô hình hồi quy chúng ta viết được phương trình hồi quy như sau:

$$HQ = 0,195 + 0,051V - 0,002V^2 \quad (2)$$

Từ (2) ta xác định được quy mô vốn lũy kế tối ưu để hiệu quả cao nhất là 12,75 triệu đồng/hộ. Như vậy, quy mô vốn vay lũy kế tối ưu cho công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn hai xã trên là một lần cận của 12,75 triệu đồng. Kết quả này giải thích cụ thể hơn khái niệm về tín dụng vi mô trong công tác giảm nghèo.

4. KẾT LUẬN

Dựa vào mô hình Phân tích bao số liệu (DEA) để đo lường hiệu quả kỹ thuật và lựa chọn mối quan hệ giữa vốn vay và hiệu quả kỹ thuật của hộ nghèo, chúng tôi đã đề xuất một mô hình đơn giản

đo lường quy mô tín dụng tối ưu cho người nghèo. Với việc ứng dụng mô hình tại huyện Ea H'leo, quy mô tín dụng lũy kế tối ưu cho hộ nghèo nơi đây khoảng 12,75 triệu đồng/hộ. Đây là quy mô tín dụng mang tính đặc thù địa phương nhưng phương pháp xác định quy mô tín dụng là khả thi đối với hầu hết các địa bàn nông thôn ở Việt Nam. Việc xác định quy mô tín dụng tối ưu sẽ là gợi ý tốt cho các nhà lập chính sách và nó khẳng định một vấn đề mang tính lý thuyết là hiệu quả của tín dụng vi mô phải xuất phát từ tính phù hợp của quy mô tín dụng.

Tuy nhiên, mô hình xác định quy mô tín dụng chúng tôi đề xuất mới chỉ giải thích được 26% hiệu quả kỹ thuật của hộ nghèo trong nghiên cứu thực tiễn tại huyện Ea H'leo, đây cũng chính là hạn chế của bài báo. Các nghiên cứu trong tương lai cần xem xét thêm các biến độc lập khác để cải tiến mô hình.

A PROPOSED METHOD TO MEASURE THE OPTIMAL SIZE OF MICRO-CREDIT TO POOR HOUSEHOLDS: A CASE OF EA H'LEO DISTRICT OF DAK LAK PROVINCE.

Le Duc Niem ³, Vo Xuan Hoi ⁴

Received Date: 08/5/2015; Revised Date: 12/6/2015; Accepted for Publication: 17/6/2015

SUMMARY

Most micro-credit programs are mainly to help the poor become more efficiently in some self-employed activities so as to lift themselves out of poverty. Thus, this paper is to propose a method to determine the optimal size of credit to a poor household in a specific area with an example of Ea H'leo district, Dak Lak province.

Keywords: *Micro credit, poverty*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

ActionAid tại Việt Nam (1999). *Báo cáo đánh giá về nghèo khổ với sự tham gia của cộng đồng (PPA) Tại Hà Tĩnh.*

Báo cáo Rating (2007). *Quy hỗ trợ vốn cho người nghèo tự tạo việc làm (CEF), Việt Nam.*

Phạm Thị Minh Lý, Trần Thị Bích Ngọc, Nguyễn Việt Đức và Hoàng Thị Thu Hiền (2009). *Tác động của vốn vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội Thừa Thiên Huế đến hộ nghèo theo quan điểm tiếp cận mức sống.* Tạp chí Khoa học Đại học Huế.

Tổng cục Thống kê. *Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2002, 2004, 2006, 2008, 2010.* NXB Thống kê, Hà Nội.

Nguyễn Hải Yến (2008). *Những vấn đề cơ bản về Tài chính vi mô.* Kinh tế Quản lý.

Tài liệu tiếng Anh

Cons J., Paprocki, K. (2008). *The Limits of Microcredit—A Bangladeshi Case.* Food First Backgroundr.

Nader, Y.F. (2008). *Microcredit and socio-economic wellbeing of women and their families in Cairo.* The Journal of Socio-Economics, 37, 644-656.

Nchare, A. (2007). *Analysis of factors affecting the technical efficiency of arabica coffee producers in Cameroon.* African Economic Research Consortium.

Pitt, M., Khandker, S. R. (2005). *The impact of group-based credit programs on poor households in Bangladesh: Does the gender of participants matter?.* The Journal of Political Economy.

www.vn.undp.org (2013)

Phản biện 1

TS. Đỗ Thị Nga

Khoa Kinh tế, trường ĐH Tây Nguyên

Điện thoại: 0914056482

Email: dothingadhtn@yahoo.com

Phản biện 2

TS. Nguyễn Văn Hóa

Khoa Kinh tế, trường ĐH Tây Nguyên

Điện thoại: 01249455555

Email: hoanguyenvan66@yahoo.com

³ Ph.D, Faculty of Economics, Tay Nguyen University

⁴ Master, Faculty of Economics, Tay Nguyen University

Corresponding author: Le Duc Niem Cellphone: 0905200804. E-mail: leniem@gmail.com